

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép đổi tên Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Bình Định thành
Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Gia Lai và phê duyệt Điều lệ
Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Gia Lai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc
hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của
Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;
Căn cứ Công văn số 1911/BNV-TCPCP ngày 29/4/2025 của Bộ Nội vụ về
việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động hội, quỹ xã hội,
quỹ từ thiện;
Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Bình Định và Giám
đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 281/SNV-TCBC ngày 04 tháng 9 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép đổi tên Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Bình Định thành Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Gia Lai và phê duyệt Điều lệ Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Gia Lai (ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Gia Lai có trách nhiệm thông báo việc đổi tên Hiệp hội đến các cơ quan, tổ chức liên quan và toàn thể hội viên; tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Gia Lai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thanh Lịch

ĐIỀU LỆ HỘI CHĂN NUÔI – THÚ Y TỈNH GIA LAI
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1802 /QĐ-UBND*
ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Gia Lai.
- Tên viết tắt: Hội CNTY.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

- Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện thành lập của các cá nhân, tổ chức hoạt động về kinh tế, khoa học và kỹ thuật trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết các tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ, kinh doanh, dịch vụ về chăn nuôi và thú y trong toàn tỉnh; nhằm phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng vật nuôi; phòng chống dịch bệnh, bảo vệ đàn vật nuôi, bảo vệ sức khỏe con người.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- Trụ sở của Hội đặt tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Gia Lai (số 01 Phạm Ngũ Lão - phường Quy Nhơn Nam - tỉnh Gia Lai).

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Gia Lai, về lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y.
- Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội. Hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Gia Lai.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

- Tự nguyện, tự quản.
- Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
- Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
- Không vì mục đích lợi nhuận.
- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI

Điều 6. Quyền của Hội

1. Đại diện cho hội viên tham gia các hoạt động đối nội, đối ngoại có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Hội; tham mưu đề xuất, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

2. Đại diện hội viên tham gia làm thành viên các đoàn thể, tổ chức xã hội khác; phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của hội.

3. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách, giám định xã hội; tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo đóng góp ý kiến tại các cuộc đàm phán, liên quan đến phạm vi, lĩnh vực hoạt động của Hội theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

4. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ; được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

5. Được thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật hiện hành và điều lệ hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của hội.

6. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển ngành Chăn nuôi - Thú y.

7. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt.

2. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; không được lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Tập hợp, đoàn kết hội viên, tạo điều kiện để hội viên giúp đỡ nhau trong sản xuất, kinh doanh, triển khai kỹ thuật, đổi mới công nghệ Chăn nuôi - Thú y theo đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội.

5. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, áp dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, khuyến khích nghiên cứu khoa học, nâng cao nghiệp vụ cho hội viên về lĩnh vực chăn nuôi, thú y, hướng dẫn hội viên tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hội hoạt động, điều lệ, quy chế, quy định của hội.

6. Quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc hội theo quy định của pháp luật và điều lệ hội; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của hội để làm cơ sở cho hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội.

7. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

8. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định hiện hành về hội.

9. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

10. Hàng năm trước ngày 31 tháng 12, hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Sở Nông nghiệp và Môi trường.

11. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

12. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và điều lệ hội. Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Sở Tài chính.

13. Lập và lưu giữ tại trụ sở hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc hội, so sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội, biên bản các cuộc họp ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra hội.

14. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật. Kinh phí thu được theo quy định tại Điều 22 phải dành cho hoạt động hội theo quy định của điều lệ hội, không được chia cho hội viên.

15. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

16. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

17. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền giao.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn Hội viên

1. Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y, hiện đang sinh sống hợp pháp tại tỉnh Gia Lai, tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện xin gia nhập Hội đều có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên liên kết: Công dân, tổ chức Việt Nam tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập và đóng góp cho sự phát triển của Hội nhưng chưa đủ điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức thì có thể trở thành hội viên liên kết.

3. Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam là người có uy tín, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Hội, được Hội mời, suy tôn làm hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của Hội viên

1. Hội viên được trao đổi thông tin về tình hình hoạt động của Hội; được bồi dưỡng nâng cao kiến thức khoa học công nghệ và tay nghề chuyên môn, được cung cấp các thông tin về pháp luật và các vấn đề liên quan đến lĩnh vực, phạm vi hoạt động của Hội; được thảo luận, đóng góp ý kiến đối với Ban Lãnh đạo Hội để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

2. Được Hội giúp đỡ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp; tư vấn, hỗ trợ nhu cầu giao lưu, học tập tại các cơ sở trong và ngoài tỉnh.

3. Được tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh, tham gia các hoạt động do Hội tổ chức theo quy định.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử và được tham gia bầu cử Ban Chấp hành Hội, được phân công vào các Ban hoạt động chuyên đề của Hội (Hội viên liên kết và hội viên danh dự không có quyền này).

Điều 10. Nghĩa vụ của Hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, quy định của Hội; tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động và sinh hoạt của Hội.

2. Thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao theo quy định của hội; giữ gìn và bảo vệ sự đoàn kết và uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

3. Tuyên truyền, giới thiệu để phát triển hội viên mới.

4. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

5. Tham gia đóng góp ý kiến đối với các vấn đề của Hội: Kế hoạch, chương trình hoạt động và các biện pháp tổ chức thực hiện, các vấn đề về nhân sự của Hội để xây dựng Hội ngày càng phát triển và vững mạnh.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Tổ chức, cá nhân muốn gia nhập Hội hoặc xét thấy có mong muốn ra khỏi hội thì phải có đơn gửi Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự kết nạp hội viên, xóa tên hội viên khỏi Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.
3. Tư cách hội viên sẽ bị chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - a) Cá nhân bị mất quyền công dân Việt Nam;
 - b) Pháp nhân bị giải thể, bị phá sản;
 - c) Hội viên không thực hiện đúng Điều lệ Hội, gây tổn hại về uy tín hoặc tài chính của Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ
4. Ban Kiểm tra
5. Các Chi hội và đơn vị trực thuộc Hội

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần do Ban Chấp hành triệu tập. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.
2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Số lượng và cơ cấu thành phần đại biểu tham dự Đại hội do Ban Chấp hành quy định. Đại hội được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội.
3. Nhiệm vụ của Đại hội:
 - a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;
 - b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;
 - c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội;
 - d) Thông qua điều lệ Hội hoặc thảo luận đổi tên Hội (nếu có) thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

g) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

h) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thành lập các Ban thuộc Hội theo thẩm quyền; quy định mức hội phí và cách thu hội phí;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; các quyết định và nghị quyết của Ban Chấp hành được thông qua và có hiệu lực chỉ khi được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành có mặt tán thành.

b) Ban Chấp hành họp thường kỳ 06 tháng một lần để xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của Hội, bàn bạc và quyết định các giải pháp cần thiết để thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội. Khi cần thiết, Ban Chấp hành có thể họp bất thường theo triệu tập của Chủ tịch Hội hoặc có ít nhất 1/3 số Ủy viên Ban Chấp hành đề nghị.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 1/3 thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/3 tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội; Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ 03 tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường vụ.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 1/3 thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/3 tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu có 03 người, gồm Trưởng ban và 02 ủy viên do Đại hội bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết của Đại hội; Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các Chi hội trực thuộc Hội, hội viên;

b) Tiếp nhận, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định và đảm bảo theo quy định hiện hành về hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Số lượng Phó Chủ tịch hội: được bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách.

4. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

6. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội;

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Tổng thư ký

Tổng thư ký có nhiệm vụ chuẩn bị nội dung các cuộc họp; ghi chép nội dung các cuộc họp của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành; thường xuyên theo dõi tổng hợp tình hình kết quả hoạt động của Hội và các Chi hội.

Điều 19. Các chi hội trực thuộc Hội

1. Các chi hội trực thuộc bao gồm:

a) Các chi hội theo địa bàn: xã, phường.

b) Các chi hội theo lĩnh vực chuyên môn: chăn nuôi bò sữa, chăn nuôi heo, chăn nuôi gà...

2. Ban Lãnh đạo chi hội gồm có: 01 Chi hội trưởng và 01 Chi hội phó.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính và tài sản

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội

- Hội phí hàng năm của các hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Các khoản chi cần thiết khác.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

b) Khi hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể hội thì việc quản lý, sử dụng và giải quyết tài sản, tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, quy định pháp luật hiện hành về hội và Điều lệ Hội.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

a) Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;

b) Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện của cơ quan tài chính;

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc trong công tác Hội sẽ được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Mức khen thưởng trong nội bộ Hội do Ban Thường vụ Hội quy định.

3. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, trình tự, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Các tổ chức thuộc Hội, hội viên nếu làm tổn hại đến uy tín, danh dự của Hội, vi phạm quy định, Điều lệ, Nghị quyết, quy chế hoạt động của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm mà áp dụng các hình thức kỷ luật phù hợp theo quy định của pháp luật.

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục kỷ luật phù hợp với Điều lệ Hội và pháp luật hiện hành.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 1/2 số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

2. Điều lệ phải được Hội hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Gia Lai gồm 8 Chương, 27 Điều đã được thông qua tại Hội nghị Ban chấp hành Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Chăn nuôi - Thú y tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ I (2025-2030) có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.